

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HS-ST

Ngày 02/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải

2. Ông Lò Văn Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 153/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2021/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 05 năm 2021 đối với bị cáo:

Quàng Văn T, tên gọi khác: không; sinh năm: 1958 tại Điện Biên;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn B và bà Quàng Thị Th, bị cáo có vợ là Quàng Thị Ph và 02 con. Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Năm 1993 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong, án tích này đã được xóa. Năm 2008, bị Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, đã được xóa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2020, đến ngày 18/11/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Quàng Thị Ph, sinh năm 1964; Địa chỉ: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt)

2. Chị Quàng Thị Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

3. Anh Cà Văn B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

4. Anh Trần Anh T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2019, Quàng Văn T cho Quàng Thị Th vay tiền nhiều lần tổng cộng là 50.000.000 đ nhưng không tính lãi suất. Đến ngày 10/11/2019, Thu tiếp tục đến nhà T ở bản Bông, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên hỏi vay thêm số tiền 180.000.000 đ, T đồng ý, cộng số tiền gốc T cho Th vay là 230.000.000 đ. Hai bên thỏa thuận Th phải trả lãi với lãi suất 4.000 đ/ 01 triệu/ 1 ngày, việc cho vay này chỉ thỏa thuận bằng miệng, hai bên không lập giấy tờ, không thế chấp tài sản, đồ vật gì. Trong thời gian vay tiền Th chưa trả cho T khoản tiền nào. Ngày 26/10/2020, T hẹn nhau với Th đến giải quyết khoản nợ. Sau khi liên lạc với nhau qua điện thoại, Th cùng chồng là Cà Văn B đến nhà T, hai bên thống nhất chốt nợ với nhau, sau khi làm tròn thì khoản tiền Thu phải trả T tính đến ngày 26/10/2020 là 548.000.000 đ gồm: tiền gốc 230.000.000 đồng, tiền lãi 318.000.000 đ. Sau khi chốt nợ Thu hẹn T đến ngày 13/11/2020 sẽ trả số tiền trên. Khoảng 08 giờ ngày 15/11/2020, Thu cùng chồng là Cà Văn B đến nhà T để trả tiền. Do chưa có đủ tiền, Th xin trả trước số tiền lãi tính từ ngày 27/10/2020 đến ngày 13/11/2020, T đồng ý và hai bên tính lãi trên tổng số tiền 548.000.000 đ ra số tiền lãi phải trả là 39.456.000 đ. Th bảo T là trả thêm hai ngày lãi 14 và 15 tháng 11 nữa là 40.000.000 đ. Th lấy tiền đưa cho B đếm, sau đó T gọi vợ là Quàng Thị Ph đang ngồi ở ngoài hiên nhà vào nhận tiền. Sau khi đếm tiền xong thì Ph đem tiền đi cất còn T, Thu và Biên tiếp tục ngồi nói chuyện, T đưa cho B quyển sổ bìa da màu vàng nâu của mình để B viết nội dung “Ngày 15/11/2020, vợ chồng Biên, Thu đến chốt sổ cho anh T với tổng số tiền 548.000.000 đ và trả lãi đến ngày 13/11/2020. Từ ngày 26/10/2020 - 13/11/2020 với số tiền là 40.000.000đ” rồi Th và B ký tên ở dưới. Còn Th đưa cho T quyển sổ bìa da màu đen của mình để T ghi chép với nội dung “Hôm nay ngày 15/11/2020, tổng số nợ 548.000 (triệu), đã trả lãi đến ngày 13/11/2020 (40.000) bốn mươi triệu và cho T ký tên”. Sau đó thì vợ chồng Th, B ra về.

Ngay sau khi rời nhà T, hồi 08h20' cùng ngày Chị Quàng Thị Th đã đi tố giác hành vi của Quàng Văn T tới cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Quàng Văn T. Qua khám xét đã thu giữ các Tài sản, đồ vật, Tài liệu bao gồm: 01 chiếc điện thoại OPPO F11; 01 đầu thu camera nhãn hiệu Dahua màu đen đựng trong hộp bìa catton màu xanh trắng; số tiền 137.000.000 đồng; số tiền 65.400.000 đồng; 01 quyển sổ bìa màu nâu (vàng) bên trong có 05 trang có chữ viết tay thể hiện nội dung cho vay tiền và trả lãi; 01 phiếu kết quả sinh hóa, phiếu chỉ định xn nước tiểu ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Thị Ph; 01 phiếu chỉ định siêu âm ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Thị Ph; 01 phiếu chỉ định sinh hóa ngày 20/6/2019 mang tên Quàng Văn T; 02 phiếu kết quả sinh hóa ngày 26/8/2019 và ngày 30/10/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 phiếu chỉ định tâm đồ ngày 21/02/2020 mang tên Quàng Văn T; 01 phiếu chỉ định siêu âm

ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 tờ giấy kê ô ly, trên giấy có ghi chữ viết tay thể hiện các con số có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 02 tờ giấy kê ngang trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện nội dung danh sách nợ thóc và các con số cùng chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 nửa tờ phiếu kết quả sinh hóa máu ngày 23/7/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 nửa tờ giấy báo, trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 mẫu giấy kê ngang trên các mặt ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 cuốn sổ màu đen bên trong 42 trang giấy, có chữ viết tay thể hiện nội dung vay tiền; 01 cuốn sổ màu đen bên trong 16 trang giấy, có chữ viết tay thể hiện nội dung vay tiền; 01 quyển sổ nhật ký hải tiến bìa màu xanh lá cây; 01 quyển sổ đã rách bìa mặt trước, trên các trang giấy có chữ viết tay, ghi họ tên và các con số; 02 tờ giấy gồm 01 tờ A4 và 01 tờ giấy kê ngang đã rách một nửa, trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W624483 mang tên Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 587810 mang tên Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm chữ ký số bảo an tín dụng số BAE+197922596 người được bảo hiểm Quàng Văn T; 01 bản danh sách các thửa đất nông nghiệp ngày 21/9/2011; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B105484 mang tên Lê Văn Tr; 01 giấy chuyển nhượng đất ngày 31/12/2019 người chuyển nhượng Lò Thị Th, người nhận chuyển nhượng Quàng Văn T; 03 hợp đồng ủy quyền số công chứng 2897/2019 ngày 06/8/2019 bên ủy quyền Lê Văn Tr, bên nhận ủy quyền Lò Thị Th.

Quá trình điều tra T khai nhận số tiền 230 triệu đồng cho Th vay là tiền của hai vợ chồng T đi vay ngân hàng mà có. Khi cho Thu vay thì T không nói cho vợ biết. Đối với tổng số tiền 202.400.000 đồng thu giữ của T, trong đó có 157.000.000 đồng là tiền của Trần Anh T1 là con rể bị cáo gửi bị cáo cầm hộ, 5.400.000 đồng là tiền của Quàng Thị Ph bán lợn mà có, Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu theo quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐXLVC ngày 26/01/2021. Số còn lại 40.000.000 đồng là tiền Thu trả lãi cho T. Đối với chiếc đầu thu camera thu giữ của gia đình bị cáo, đã được trích xuất dữ liệu điện tử, cơ quan điều tra cũng đã trả cho chủ sở hữu theo quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐXLVC ngày 19/01/2021.

Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra của cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa bà Quàng Thị Ph có ý kiến: Số tiền 230.000.000 đồng T cho Thu vay là tiền của hai vợ chồng vay ngân hàng mà có theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với ngân hàng cùng các chứng từ khác bà đã nộp trong hồ sơ vụ án. Việc ông T cho Th vay bà không biết, bà đề nghị được nhận lại phần của bà trong số tiền trên, đề nghị Quàng Thị Th phải trả cho bà. Đối với số tiền bán lợn 5.400.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả cho bà, bà đã nhận đủ và không có ý kiến gì. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án: Anh Trần Anh T1 khẳng định đã gửi bị cáo tổng số tiền 157.000.000 đồng, Anh T1 đã được nhận lại và không có ý kiến yêu cầu gì. Anh Cà Văn B xác nhận việc đến chốt nợ cùng Th với T, cùng th đến trả lãi cho T số tiền 40.000.000 đồng, Anh B không có ý kiến, yêu cầu gì. Chị Quàng Thị Th đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật, chị nhất trí ý kiến của bà Ph về việc trả cho bà Ph và nộp sung quỹ nhà nước đối số tiền gốc theo qui định của pháp luật. Chị Th đề nghị được nhận lại tiền lãi bị cáo cho vay quá qui định mà chị đã đưa cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKSDB ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo: Quàng Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 201; các khoản 1, 2, 5 điều 65, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Quàng Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng đề nghị căn cứ các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động OPPO F11 pro của bị cáo; Trả lại cho bị cáo các Tài liệu đồ vật đã tạm giữ không liên quan đến vụ án; Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 115 triệu của T do Quàng Thị Th đang quản lý, Quàng Thị Th có trách nhiệm nộp sung quỹ nhà nước số tiền này và không phải trả cho Quàng Văn T; Tịch thu sung quỹ số tiền này lãi cho vay đúng theo qui định là 6.005.479 đồng của Quàng Văn T; Trả lại cho Quàng Thị Th phần lãi vượt quá qui định là 33.994.521 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 điều 579, khoản 1 Điều 580 Bộ luật dân sự : Buộc Quàng Thị Thu phải trả cho Ph số tiền số tiền 115 triệu đồng. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Quàng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.750.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 10/11/2019, tại nhà của mình ở bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Quàng Văn T đã cho Quàng Thị Th trú cùng bản vay số tiền 230 triệu đồng, với lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày tương ứng với mức lãi suất là 146 % /năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất được qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự. Ngày 26/10/2020 T cùng vợ chồng Th B đã thống nhất chốt với nhau số tiền lãi tính từ ngày 10/11/2019 đến ngày 26/10/2020 của số tiền này theo lãi suất đã nêu trên. Sau khi tính và làm tròn thì Th, B phải trả cho T số tiền lãi là 318

triệu đồng. Trong tổng số tiền lãi đó thì số tiền lãi T cho vay đúng qui định là $230.000.000 * 20/100 * 350/365 = 44.109.589$ đồng, phần lãi vượt quá qui định là $318.000.000 - 44.109.589 = 273.890.411$ đồng.

Đến ngày 15/11/2020, T và vợ chồng Th B tiếp tục thống nhất tiền lãi tính từ ngày 27/10/2020 đến ngày 15/11/2020 (20 ngày) là 40 triệu đồng (tính trên tổng số tiền gốc 230 triệu đồng và lãi 318 triệu đồng chốt ngày 26/10/2020). Như vậy, lãi suất tính trong thời gian này là $40.000.000/548.000.000 * 365/20 * 100\% = 133,2\%$, lãi suất này cao gấp 6,66 lần mức lãi suất cao nhất của khoản tiền vay được qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự. Trong 40 triệu tiền lãi này thì số tiền lãi T cho vay đúng theo qui định là $548.000.000 * 20/100 * 20/365 = 6.005.479$ đồng, phần lãi vượt quá qui định là $40.000.000 - 6.005.479 = 33.994.521$ đồng.

Mặc dù số tiền 318 triệu đồng T chưa nhận được từ Th nhưng hai bên đã thống nhất chốt vào là Th nợ T. Sau đó hai bên đã cộng gộp cả gốc vào lãi tạo ra tổng số tiền vay mới là 548 triệu, đồng thời tính lãi mới theo số tiền đã cộng gộp này. Do vậy, T phải chịu trách nhiệm hình sự cả với số tiền lãi quá qui định trong số tiền lãi này. Tổng số tiền thu lợi bất chính của cả quá trình T cho Th vay được xác định là $273.890.411 + 33.994.521 = 307.884.932$ đồng.

Hành vi cho vay với mức lãi suất lần lượt được tính gấp 7,3 lần, gấp 6,66 lần mức lãi suất cao nhất của khoản tiền vay được qui định trong bộ luật dân sự với khoản tiền thu lợi bất chính được xác định là 307.884.932 đồng của bị cáo đã được chứng minh qua lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, tại bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo có tội. Bị cáo Quảng Văn T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội có tính chất ít nghiêm trọng, nhưng có ảnh hưởng không tốt đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên trong việc phát hiện 02 tội phạm khác, được Công an huyện Điện Biên xác nhận và đề nghị nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố đẻ là Quảng Văn B được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; Mặc dù bị cáo đã từng bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xóa án tích và thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng. Tính chất, mức độ lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại các khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là đủ sức răn đe và cải tạo đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy loại và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo thật sự ăn năn hối cải, gia đình bị cáo hiện còn nợ nần, bị cáo thường hay phải đi khám và điều trị bệnh; số tiền bị cáo cho vay và số tiền lãi thu được đều bị sung quỹ nhà nước. Do đó, hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng vụ án: Việc trả lại Tài sản của Cơ quan điều tra tại quyết định xử lý vật chứng số 07/ QĐXLVC ngày 19/01/2021 và 08/QĐXLVC ngày 26/01/2021 là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc trả vật chứng này.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động OPPO F11 pro bị cáo dùng liên lạc với Thu phục vụ hoạt động phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với đồ vật, T liệu: 01 phiếu kết quả sinh hóa, phiếu chỉ định xn nước tiểu ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Thị Ph; 01 phiếu chỉ định siêu âm ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Thị Ph; 01 phiếu chỉ định sinh hóa ngày 20/6/2019 mang tên Quàng Văn T; 02 phiếu kết quả sinh hóa ngày 26/8/2019 và ngày 30/10/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 phiếu chỉ định tâm đồ ngày 21/02/2020 mang tên Quàng Văn T; 01 phiếu chỉ định siêu âm ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 tờ giấy kê ô ly, trên giấy có ghi chữ viết tay thể hiện các con số có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 02 tờ giấy kê ngang trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện nội dung danh sách nợ thóc và các con số cùng chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 nửa tờ phiếu kết quả sinh hóa máu ngày

23/7/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 nửa tờ giấy báo, trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 mẫu giấy kê ngang trên các mặt ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 cuốn sổ màu đen bên trong 42 trang giấy, có chữ viết tay thể hiện nội dung vay tiền; 01 cuốn sổ màu đen bên trong 16 trang giấy, có chữ viết tay thể hiện nội dung vay tiền; 01 quyển sổ nhật ký hải tiến bìa màu xanh lá cây; 01 quyển sổ đã rách bìa mặt trước, trên các trang giấy có chữ viết tay, ghi họ tên và các con số; 02 tờ giấy gồm 01 tờ A4 và 01 tờ giấy kê ngang đã rách một nửa, trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W624483 mang tên Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 587810 mang tên Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm chữ ký số bảo an tín dụng số BAE+197922596 người được bảo hiểm Quàng Văn T; 01 bản danh sách các thửa đất nông nghiệp ngày 21/9/2011; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B105484 mang tên Lê Văn Tr; 01 giấy chuyển nhượng đất ngày 31/12/2019 người chuyển nhượng Lò Thị Th, người nhận chuyển nhượng Quàng Văn T; 03 hợp đồng ủy quyền số công chứng 2897/2019 ngày 06/8/2019 bên ủy quyền Lê Văn Tr, bên nhận ủy quyền Lò Thị Th. Những đồ vật, Tài liệu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không phải là vật chứng của vụ án nên căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Quàng Văn T.

Đối với 01 quyển sổ bìa màu nâu (vàng) bên trong có 05 trang có chữ viết tay thể hiện nội dung cho vay tiền và trả lãi thu giữ của Quàng Văn T; Trong đó có 01 trang liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo được đánh dấu bút lục của cơ quan điều tra cần tách riêng lưu trữ trong hồ sơ của vụ án, phần còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội trả cho bị cáo Quàng Văn T.

Đối với số tiền gốc 230 triệu T cho Th vay là tài sản chung của T và vợ là Quàng Thị Ph. Do đó, phần của T là 115 triệu, phần của Ph là 115 triệu. T cho Thu vay không cho Ph biết. Hiện Th đang quản lý số tiền này, cơ quan điều tra chưa thu giữ được. Hội đồng xét xử thấy rằng cần căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 115 triệu của T do Quàng Thị Th đang quản lý, Quàng Thị Th có trách nhiệm nộp sung quỹ nhà nước số tiền này và không phải trả cho Quàng Văn T.

Đối với số tiền Th đã trả cho T 40.000.000 đồng, trong đó có lãi vay đúng theo qui định là 6.005.479 đồng nhưng là khoản tiền thu được từ hoạt động phạm tội nên cần căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ số tiền này của Quàng Văn T. Đối với phần lãi vượt quá qui định là 33.994.521 đồng cần căn cứ căn cứ khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Quàng Thị Th nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quàng Thị Ph yêu cầu Quàng Thị Th trả lại số tiền 115 triệu đồng thuộc phần sở hữu của mình trong số tiền T cho Th vay. Do bà Ph không biết bị cáo dùng số tiền đó cho Thu vay. Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 điều 579, khoản 1 Điều 580 Bộ luật dân sự buộc Quàng Thị Th phải trả cho Ph số tiền trên. Áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 6 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Buộc Quàng Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của bà Ph về việc trả số tiền 115 triệu đồng là 5.750.000 đồng.

[7]. Các vấn đề khác có liên quan: Trong hồ sơ thể hiện Quàng Văn T còn cho một số đối tượng khác vay tiền, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, qua điều tra không đủ căn cứ xác định những việc cho vay này là vi phạm hay tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng này đều đảm bảo tính hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2; các điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 điều 136; các khoản 1, 4 điều 331; khoản 1 điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 357, khoản 1 điều 579, khoản 1 điều 580 của Bộ Luật Dân sự; Điểm a, c khoản 1 điều 23, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án 02/6/2021.

Giao bị cáo Quàng Văn T cho UBND xã Noong Het, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Chấp nhận việc xử lý vật chứng tại quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐXLVC ngày 19/01/2021 và 08/QĐXLVC ngày 26/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Điện Biên.

- Trả lại cho Quàng Văn T: 01 phiếu kết quả sinh hóa, phiếu chỉ định xn nước tiểu ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Thị Ph; 01 phiếu chỉ định siêu âm ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Thị Ph; 01 phiếu chỉ định sinh hóa ngày 20/6/2019 mang tên Quàng Văn T; 02 phiếu kết quả sinh hóa ngày 26/8/2019 và ngày 30/10/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 phiếu chỉ định tâm đồ ngày 21/02/2020 mang tên Quàng Văn T; 01 phiếu chỉ định siêu âm ngày 14/11/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 tờ giấy kê ô ly, trên giấy có ghi chữ viết tay thể hiện các con số có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 02 tờ giấy kê ngang trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện nội dung danh sách nợ thóc và các con số cùng chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 nửa tờ phiếu kết quả sinh hóa máu ngày 23/7/2019 mang tên Quàng Văn T; 01 nửa tờ giấy báo, trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 mẫu giấy kê ngang trên các mặt ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 cuốn sổ màu đen bên trong 42 trang giấy, có chữ viết tay thể hiện nội dung vay tiền; 01 cuốn sổ màu đen bên trong 16 trang giấy, có chữ viết tay thể hiện nội dung vay tiền; 01 quyển sổ nhật ký hải tiến bìa màu xanh lá cây; 01 quyển sổ đã rách bìa mặt trước, trên các trang giấy có chữ viết tay, ghi họ tên và các con số; 02 tờ giấy gồm 01 tờ A4 và 01 tờ giấy kê ngang đã rách một nửa, trên các mặt có ghi chữ viết tay thể hiện họ tên và các con số, có chữ ký xác nhận của Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W624483 mang tên Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 587810 mang tên Quàng Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm chữ ký số bảo an tín dụng số BAE+197922596 người được bảo hiểm Quàng Văn T; 01 bản danh sách các thửa đất nông nghiệp ngày 21/9/2011; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B105484 mang tên Lê Văn Trường; 01 giấy chuyển nhượng đất ngày 31/12/2019 người chuyển nhượng Lò Thị Thương, người nhận chuyển nhượng Quàng Văn T; 03 hợp đồng ủy quyền số công chứng 2897/2019 ngày 06/8/2019 bên ủy quyền Lê Văn Trường, bên nhận ủy quyền Lò Thị Thương; 01 quyển sổ bìa màu nâu (vàng) bên trong có 05 trang có chữ viết tay thể hiện nội dung cho vay tiền và trả lãi thu giữ của Quàng Văn T (sau khi tách 01 trang liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo được đánh dấu bút lục của cơ quan điều tra lưu trữ trong hồ sơ của vụ án). (Hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động OPPO F11 pro thu giữ của Quàng Văn T (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày*

22/4/2021 giữa Công an huyện Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên)

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 121.005.479 (một trăm hai mươi mốt triệu, không trăm lẻ lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín) đồng của bị cáo, trong đó:

+ Thu của Quàng Văn T số tiền 6.005.479 (sáu triệu, không trăm lẻ lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín) đồng đã bị tạm giữ (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2021 giữa Công an huyện Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên).

+ Quàng Thị Th phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng (là tiền gốc đã vay của T) và không phải trả cho cáo số tiền đã vay này.

- Trả lại cho Quàng Thị Th số tiền 33.994.521 (Ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi mốt) đồng thu giữ của Quàng Văn T (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2021 giữa Công an huyện Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Chị Quàng Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Quàng Thị Ph số tiền 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng.

4. Về án phí: Bị cáo Quàng Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Quàng Thị Th phải nộp án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án hình sự là 5.750.000 (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành và quyền thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong những khoản tiền phải nộp, Chị Quàng Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Quàng Thị Ph có đơn yêu cầu thi hành án nếu Chị Quàng Thị Th không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền phải trả thì Chị Th phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357/BLDS; Khoản 2 Điều 468/BLDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/6/2021). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện DB;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện DB;
- Chi cục Thi hành án DSHĐB;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- Sở tư pháp tỉnh DB;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc